

# Checklist for Flood - Torrential Rain/Danh sách Kiểm tra cho Lũ lụt - Mưa lớn



TOKIO MARINE  
INSURANCE GROUP

## Routine Countermeasures

### 1. Emergency Response Team (ERT) & Education/Training/Đội Phản ứng Khẩn cấp & Đào tạo

- Reconfirmation of ERT during working hours, for off-days and during nights/ Tái xác nhận đội ERT trong giờ làm việc, ngày nghỉ và ban đêm
- Employees planning to work / Determination whether employees should come to the premises or not/ Nhân viên lên kế hoạch làm việc / Xác định liệu nhân viên có nên đến cơ sở hay không
- Formation of Self-Inspection Team & Reconfirmation of reporting system/ Thành lập đội tự kiểm tra & Tái xác nhận hệ thống báo cáo
- Operation training of emergency equipment and Reconfirmation of work procedures/ Đào tạo vận hành thiết bị khẩn cấp và Tái xác nhận quy trình làm việc
- Development of emergency response procedure and action plans/ Phát triển thủ tục phản ứng khẩn cấp và kế hoạch hành động
- Designation of ERT organization and responsible persons in charge/ Phân công tổ chức ERT và người chịu trách nhiệm
- Confirmation of emergency contact list (both internal and external)/ Xác nhận danh sách liên lạc khẩn cấp (nội bộ và bên ngoài)
- Establishment of information collection system (weather information, river information)/ Thiết lập hệ thống thu thập thông tin (thông tin thời tiết, thông tin sông)
- Data backup in case of flooding of electronic devices and stacks room/ Sao lưu dữ liệu trong trường hợp ngập lụt thiết bị điện tử và phòng chứa

### 2. For buildings, facilities, and equipment, Confirmation/Periodic Inspection / Repair/ Kiểm tra/ Sửa chữa Định kỳ cho Toà nhà, Cơ sở vật chất, và Thiết bị

- Roofing materials/ Vật liệu mái
- Steel shutters (including their guide rails) and doors/ Cửa chớp thép (bao gồm cả đường ray dẫn) và cửa
- Chimneys, Ventilators/ Ống khói, Thiết bị thông gió
- Skylights/ Cửa sổ trên mái
- Upright gutters, horizontal gutters and catch basins/ Máng xối đứng, máng xối ngang và hồ thu nước
- Clearing clogging of side ditches and drains (especially the drainage points flowing towards outside)/ Làm sạch tắc nghẽn của mương bên và cống (đặc biệt là điểm thoát nước chảy ra ngoài)

### 3. Measures against rainwater and inundation/ Biện pháp chống lại nước mưa và ngập lụt

- Raised floors/ Nền nhà nâng cao
- Confirmation of suppliers for waterproof sheets/sand bags/ Xác nhận nhà cung cấp tấm chống thấm/những bao cát
- Installation of flood walls/ Lắp đặt tường chắn lũ
- Outdoors equipment protection/ Bảo vệ thiết bị ngoài trời
- Production and manufacturing equipment/ Thiết bị sản xuất và chế tạo
- Pits for equipment/ Hồ cho thiết bị
- Power distribution panels and substation/ Bảng phân phối điện và trạm biến áp
- Other critical equipment for your operation such as utility/ Thiết bị quan trọng khác cho hoạt động của bạn như tiện ích

## Advance Preparation for Flood - Torrential Rain/Chuẩn bị Trước cho Lũ Lụt - Mưa Lớn

### 1. Instruction to employees/Hướng dẫn cho nhân viên

- Confirmation of weather information and transportation information/Xác nhận thông tin thời tiết và thông tin giao thông
- Employees planning to work / Determination whether employees should come to the premises or not/Nhân viên lên kế hoạch làm việc / Xác định liệu nhân viên có nên đến cơ sở hay không
- Contact important business partners for operations/Liên hệ với các đối tác kinh doanh quan trọng cho hoạt động
- Securing of responsible persons/Bảo đảm các cá nhân chịu trách nhiệm

### 2. Side ditches and drains around facilities/Hồ ga và mương xung quanh cơ sở

- Clean drains, etc. so that drainage does not become stagnant/Vệ sinh mương rãnh để đảm bảo dòng chảy không bị đọng

### 3. Prevention of electric and water leakage/Phòng ngừa rò rỉ điện và nước

- Measures to suppress water intrusion. If necessary, seal up the gaps around window panes and doors/ Biện pháp ngăn chặn nước xâm nhập. Nếu cần, dán kín các khe cửa sổ và cửa ra vào

### 4. Protection of finished goods and equipment/Bảo vệ hàng hóa và thiết bị

- Moving to higher places not affected by inundation/Di chuyển đến những nơi cao ráo không bị ảnh hưởng bởi lũ lụt
- Moving away from the windows/Di chuyển ra xa cửa sổ
- Arrangement of waterproof sheets and sandbags/Sắp xếp tấm chống thấm và bao cát
- Preparation of rags etc./Chuẩn bị giẻ lau, v.v.

### 5. Care of outdoor gears/Chăm sóc thiết bị ngoài trời

- Relocation small articles etc. to inside the building/Di dời các vật dụng nhỏ vào trong nhà

### 6. Checking emergency equipment/tool/Kiểm tra thiết bị/công cụ khẩn cấp

- Dry cell batteries, Water drainage pumps, radio/Ắc quy khô, máy bơm thoát nước, radio
- Torches, Emergency foods, Helmets, Blankets/Đèn pin, thực phẩm khẩn cấp, mũ bảo hiểm, chăn
- Means of transportation (rubber boat, if necessary) as well as communication tools/ Phương tiện di chuyển (thuyền cao su, nếu cần) cũng như các công cụ liên lạc
- Torches, Emergency foods, Helmets, Blankets/ Đèn pin, Thực phẩm khẩn cấp, Mũ bảo hiểm, Chăn

### 7. Protection of hazardous material/Bảo vệ chất liệu nguy hiểm

- Prevention of outflow of fuel (diesel oil / gasoline) and chemical substances/ Ngăn chặn dòng chảy của nhiên liệu (dầu diesel/xăng) và chất hóa học
- Prevention of outflow of LPG cylinder/ Ngăn chặn dòng chảy của bình gas LPG

## Instruction on the day/ Hướng dẫn trong ngày

- Periodic facility patrols, status checks, countermeasures/ Tuần tra cơ sở định kỳ, kiểm tra tình trạng, biện pháp đối phó
- Reporting of decisions to employees and related parties/ Báo cáo quyết định cho nhân viên và các bên liên quan
- Evacuation instruction when there is a risk of disaster from the neighborhoods/ Hướng dẫn sơ tán khi có nguy cơ xảy ra thảm họa từ khu dân cư